**CHUYÊN ĐỀ**

**BỒI DƯỠNG SỬ DỤNG SGK MÔN TIẾNG VIỆT LỚP 3**

THEO CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG 2018

**Người thực hiện: Nguyễn Thị Luyến**

**Ngày thực hiện: 4/8/2022**

1. **Yêu cầu cần đạt trong chương trình TV3**

|  |
| --- |
| 1. **ĐỌC**    1. KĨ THUẬT ĐỌC   – Đọc đúng và bước đầu biết đọc diễn cảm các đoạn văn miêu tả, câu chuyện, bài thơ; tốc độ đọc khoảng 70 – 80 tiếng trong 1 phút. Biết nghỉ hơi ở chỗ có dấu câu hay chỗ ngắt nhịp thơ.  – Đọc theo ngữ điệu phù hợp với vai được phân trong một đoạn đối thoại có hai hoặc ba nhân vật.  – Đọc thầm với tốc độ nhanh hơn lớp 2.  – Đánh dấu được đoạn sách đang đọc.  – Ghi chép ngắn gọn những nội dung quan trọng vào phiếu đọc sách hoặc sổ tay.  1.2.ĐỌC HIỂU  **1.2.1.Văn bản văn học**  ***Đọc hiểu nội dung***  – Nhận biết được chi tiết và nội dung chính. Hiểu được nội dung hàm ẩn của văn bản với những suy luận đơn giản.  – Tìm được ý chính của từng đoạn văn dựa trên các câu hỏi gợi ý.  – Hiểu được điều tác giả muốn nói qua văn bản dựa vào gợi ý.  ***Đọc hiểu hình thức***  – Nhận biết được điệu bộ, hành động của nhân vật qua một số từ ngữ trong văn bản.  – Nhận biết được thời gian, địa điểm và trình tự các sự việc trong câu chuyện.  – Nhận biết được vần và biện pháp tu từ so sánh trong thơ.  – Nhận xét được về hình dáng, điệu bộ, hành động của nhân vật trong truyện tranh hoặc phim hoạt hình.  ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  – Lựa chọn một nhân vật trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, nêu tình cảm và suy nghĩ về nhân vật đó.  – Lựa chọn một nhân vật hoặc địa điểm trong tác phẩm đã học hoặc đã đọc, mô tả hoặc vẽ lại được nhân vật, địa điểm đó.  ***Đọc mở rộng***  – Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 35 văn bản văn học (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có thể loại và độ dài tương đương với các văn bản đã học.  – Thuộc lòng được ít nhất 8 đoạn thơ, bài thơ hoặc đoạn văn đã học; mỗi đoạn thơ, bài thơ, đoạn văn có độ dài khoảng 60 chữ.  **1.2.2.Văn bản thông tin**  ***Đọc hiểu nội dung***  – Trả lời được: Văn bản viết về cái gì và có những thông tin nào đáng chú ý?  – Tìm được ý chính của từng đoạn trong văn bản.  ***Đọc hiểu hình thức***  – Nhận biết được một số loại văn bản thông tin thông dụng, đơn giản qua đặc điểm của văn bản: văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, văn bản giới thiệu một đồ vật, thông báo ngắn, tờ khai đơn giản.  – Nhận biết được cách sắp xếp thông tin trong văn bản theo trật tự thời gian.  – Nhận biết được thông tin qua hình ảnh, số liệu trong văn bản.  ***Liên hệ, so sánh, kết nối***  Nêu được những điều học được từ văn bản.  ***Đọc mở rộng***  Trong 1 năm học, đọc tối thiểu 18 văn bản thông tin (bao gồm văn bản được hướng dẫn đọc trên mạng Internet) có kiểu văn bản và độ dài tương đương các văn bản đã học.   1. **VIẾT**    1. KĨ THUẬT VIẾT   – Viết thành thạo chữ viết thường, viết đúng chữ viết hoa.  – Biết viết đúng tên người, tên địa lí Việt Nam và một số tên nhân vật, tên địa lí nước ngoài đã học.  – Viết đúng những từ dễ viết sai do đặc điểm phát âm địa phương.  – Viết đúng chính tả đoạn thơ, đoạn văn theo hình thức nghe – viết hoặc nhớ viết một bài có độ dài khoảng 65 – 70 chữ, tốc độ khoảng 65 – 70 chữ trong 15 phút.  – Trình bày bài viết sạch sẽ, đúng quy định.  2.2.VIẾT ĐOẠN VĂN, VĂN BẢN  ***2.2.1.Quy trình viết***  Biết viết theo các bước: xác định nội dung viết (viết về cái gì); hình thành một vài ý lớn; viết thành đoạn văn; chỉnh sửa lỗi (dùng từ, đặt câu, dấu câu, viết hoa) dựa vào gợi ý.  ***2.2.2.Thực hành viết***  – Viết được đoạn văn thuật lại một sự việc đã chứng kiến, tham gia.  – Viết được đoạn văn ngắn miêu tả đồ vật.  – Viết được đ.văn ngắn nêu tình cảm, cảm xúc về con người, cảnh vật dựa vào gợi ý.  – Viết được đoạn văn ngắn nêu lí do vì sao mình thích hoặc không thích một nhân vật trong câu chuyện đã đọc hoặc đã nghe.  - Viết được đoạn văn ngắn giới thiệu về bản thân, nêu được những thông tin quan trọng như: họ và tên, ngày sinh, nơi sinh, sở thích, ước mơ của bản thân.  – Viết được thông báo hay bản tin ngắn theo mẫu; điền được thông tin vào một số tờ khai in sẵn; viết được thư cho người thân hay bạn bè (thư viết tay hoặc thư điện tử). |
| 1. **NÓI VÀ NGHE**   ***3.1.Nói***  – Nói rõ ràng, tập trung vào mục đích nói và đề tài được nói tới; có thái độ tự tin và có thói quen nhìn vào người nghe, biết tránh dùng từ ngữ kém văn hoá.  – Biết phát biểu ý kiến trước nhóm, tổ, lớp; giới thiệu các thành viên, các hoạt động của nhóm, tổ, lớp.  – Nói được về một con người, đồ vật, vật nuôi dựa vào gợi ý.  – Kể được một câu chuyện đơn giản đã đọc, nghe hoặc xem (có sự hỗ trợ, gợi ý); kết hợp lời kể, điệu bộ thể hiện cảm xúc về câu chuyện. Nói 2 – 3 câu về một tình huống do em tưởng tượng.  – Nói được về một số đặc điểm của nhân vật thể hiện qua hình ảnh trong truyện tranh hay phim hoạt hình.  ***3.2.Nghe***  – Chú ý nghe người khác nói. Đặt được những câu hỏi có liên quan để hiểu đúng nội dung đã nghe.  – Biết hỏi và đáp kết hợp với cử chỉ, điệu bộ thích hợp.  – Nghe một câu chuyện, tưởng tượng và diễn tả lại dáng vẻ hoặc hành động, lời nói của một nhân vật trong câu chuyện đó.  ***3.3.Nói nghe tương tác***  – Chú ý lắng nghe, tập trung vào vấn đề trao đổi, không nói lạc đề.  – Biết nói chuyện qua điện thoại với cách mở đầu và kết thúc phù hợp; lắng nghe để hiểu đúng thông tin; nói rõ ràng và tỏ thái độ thích hợp; tập trung vào mục đích cuộc nói chuyện. |

1. **Nội dung dạy học được quy định trong chương trình TV3**
2. **KIẾN THỨC TIẾNG VIỆT**

- Vốn từ theo chủ điểm

- Từ có nghĩa giống nhau và từ có nghĩa trái ngược nhau

- Từ chỉ sự vật, hoạt động, tính chất

- Sơ giản về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm: đặc điểm thể hiện qua dấu câu, qua từ đánh dấu kiểu câu và công dụng của từng kiểu câu

|  |
| --- |
| - Công dụng của dấu gạch ngang (đặt ở đầu dòng để đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật); dấu ngoặc kép (đánh dấu phần trích dẫn trực tiếp hoặc lời đối thoại); dấu hai chấm (báo hiệu phần giải thích, liệt kê)  - Biện pháp tu từ so sánh: đặc điểm và tác dụng  - Sơ giản về đoạn văn và văn bản có nhiều đoạn: dấu hiệu nhận biết văn bản và thể loại.  + Đoạn văn kể lại câu chuyện đã đọc hoặc một việc đã làm  + Đoạn văn miêu tả đồ vật  + Đoạn văn chia sẻ cảm xúc, tình cảm  + Đoạn văn nêu lí do vì sao mình thích một nhân vật trong câu chuyện  + Đoạn văn giới thiệu về đồ vật, văn bản thuật lại một hiện tượng gồm 2 – 3 sự việc, thông báo hoặc bản tin ngắn, tờ khai in sẵn  + Thông tin bằng hình ảnh, số liệu (phương tiện giao tiếp phi ngôn ngữ)  **2. KIẾN THỨC VĂN HỌC**  - Bài học rút ra từ văn bản  - Địa điểm và thời gian  - Suy nghĩ và hành động của nhân vật  **3. NGỮ LIỆU**  3.1. Văn bản văn học  – Cổ tích, ngụ ngôn, truyện ngắn; đoạn (bài) văn miêu tả  – Bài thơ, đồng dao, ca dao, vè  - Độ dài của văn bản: truyện khoảng 200 – 250 chữ, bài miêu tả khoảng 180 – 200 chữ, thơ khoảng 80 – 100 chữ  3.2. Văn bản thông tin  – VB giới thiệu một đồ vật, VB thuật lại một hiện tượng gồm 2-3 sự việc  – Thông báo ngắn, tờ khai in sẵn. Độ dài của văn bản: 120-150 chữ |

1. **Giới thiệu Sách TV3**
2. **Quan điểm biên soạn**

- Đáp ứng yêu cầu phát triển PC và NL của HS, giúp HS phát triển năng lực ngôn ngữ và năng lực văn học.

- Phát huy được tính tích cực và khả năng sáng tạo của HS.

- Chú trọng dạy học tích hợp và phân hóa.

1. **Những điểm mới của sách TV3**

- Tên chủ điểm trong SGK có sức gợi mở và hấp dẫn.

- Sách chú trọng rèn luyện và phát triển các kĩ năng ngôn ngữ cho HS.

- Nội dung bài học có sự kết nối chặt chẽ giữa các kĩ năng và được thiết kế theo hướng mở để phát huy năng lực của người học.

- Kiến thức tiếng Việt và văn học được truyền tải nhẹ nhàng, sinh động thông qua thực hành, luyện tập.

- Nội dung ngữ liệu đọc, viết, nói và nghe của sách mới mẻ, cập nhật cuộc sống

hiện tại ở các vùng miền, phù hợp với tâm lí tiếp nhận của HS lớp 3.

- Tiếp nối TV1, TV2, TV3 chú ý dành thời gian cho hoạt động Đọc mở rộng.

- Tranh ảnh minh họa và thiết kế trong TV3 sinh động, bắt mắt.

**3.** **Cấu trúc sách, cấu trúc bài học**

**3.1. Cấu trúc sách**

- Sách TV3 gồm 8 chủ điểm, chia 2 tập, mỗi tập 4 chủ điểm. Tập 1 (18 tuần); tập 2

( 17 tuần), mỗi tuần 7 tiết.

- Tập 1: + Những trải nghiệm thú vị

+ Cổng trường rộng mở

+ Mái nhà yêu thương

+ Cộng đồng gắn bó

- Tập 2: + Những sắc màu thiên nhiên

+ Bài học từ cuộc sống

+ Đất nước ngàn năm

+ Trái đất của chúng mình

- Nội dung các chủ điểm gắn với đời sống thực tiễn và những giá trị văn hóa Việt Nam và thế giới; đáp ứng yêu cầu của chương trình giáo dục mới.

- Tạo cơ hội cho HS phát huy trải nghiệm, cảm nhận và khám phá cuộc sống, tạo ra những sản phẩm học tập có ý nghĩa.

**3.2. Cấu trúc bài học trong 1 tuần**

- Cấu trúc bài học thống nhất trong toàn bộ sách, thuận tiện cho GV triển khai bài học, dễ hiểu với HS, thân thiện với phụ huynh.

- Mỗi tuần có 2 bài học: 1 bài 3 tiết và 1 bài 4 tiết

\* Bài 3 tiết: - Tiết 1và 2: Đọc (1,5 tiết) ; Nói và nghe (0,5 tiết) ( 1 tuần nói theo chủ điểm, 1 tuần KC).

- Tiết 3: Viết chính tả và làm BT.

\* Bài 4 tiết: - Tiết 1 và 2: Đọc (1,5 tiết) ; Viết chữ hoa hoặc đọc mở rộng (0,5 tiết)

( 1 tuần viết chữ hoa, 1 tuần đọc mở rộng).

- Tiết 3 và 4: Luyện tập: + Tiết 3: LT kiến thức TV ( từ, câu, biện pháp tu từ so sánh). + Tiết 4: Luyện viết đoạn văn.

- Cuối mỗi bài 3 tiết hoặc 4 tiết đều có bài vận dụng.

**IV. Phương pháp dạy học**

1. **Đổi mới PP dạy học kiến thức tiếng Việt**

- Chú trọng hoạt động thực hành, luyện tập, vận dụng.

- Bài học luôn được bắt đầu từ những điều các em đã biết để từ đó hướng vào những kiến thức các em cần hiểu biết. Có sự kế thừa, tiếp nối, nâng cao, mở rộng so với lớp 2.

**1.1. PP dạy học**

Bước 1: Giúp HS nhận biết mục tiêu và nhiệm vụ của giờ học.

Bước 2: Tổ chức cho HS thực hiện lần lượt các BT trong SGK

Lựa chọn cách thức tổ chức hoạt động học tập:

- Cá nhân - cặp – nhóm

- HS làm BT vào vở/ phiếu/ thẻ/….; cách trình bày sản phẩm.

- Quy định thời gian làm bài/ soát bài/ đối chiếu KQ

Bước 3: Nhận xét, đánh giá:

- Chữa bài/ đánh giá KQ

- Những lưu ý về kiến thức

- Khích lệ/ động viên HS

**1.2. Lưu ý**

- Khi dạy học về câu kể, câu hỏi, câu khiến, câu cảm nên cho HS nhận biết qua việc quan sát, phân tích câu ở cả ngôn ngữ viết và ngôn ngữ nói.

- Tăng cường hoạt động thực hành nói/ viết các kiểu câu trong những tình huống giao tiếp hàng ngày.

- Kiến thức TV có nhiều ND khác nhau, cách thiết kế bài học rất đa dạng. Tùy vào ND mỗi bài, GV có thể sáng tạo thêm nhiều hình thức tổ chức dạy học khác ngoài gợi ý ở SGV, có thể tổ chức các hoạt động khác nhau: thực hành theo mẫu, hỏi – đáp, đóng vai nhân vật trong tình huống giao tiếp…. giúp HS hứng thú, tích cực học tập.

1. **Đổi mới PP dạy học kĩ năng ngôn ngữ**

- Kĩ năng đọc thành tiếng, đọc hiều, đọc mở rộng

- Kĩ năng viết chữ hoa, viết chính tả, viết đoạn văn.

- Nói và nghe ( theo chủ đề, kể chuyện)

**2.1. Đổi mới dạy học kĩ năng đọc:**

**2.1.1.PP dạy kĩ năng đọc**

- YC của bài đọc: HS được luyện đọc thành tiếng và đọc hiểu

- Quy trình dạy đọc linh hoạt, không cứng nhắc, đơn điệu

- HS có nhiều cơ hội để luyện đọc ( đọc thành tiếng và đọc hiểu), học tập tích cực, hứng thú.

- Thời lượng dành cho HĐ đọc thành tiếng và đọc hiểu không ấn định cứng nhắc, phụ thuộc vào năng lực HS trong lớp( nhóm)

- PP dạy học chủ yếu là GV đọc mẫu và HS thực hành theo mẫu. Đọc phân vai 1 câu chuyện cũng cần được chú ý khai thác nhiều hơn

**2.1.2. PPDH đọc hiểu**

- Đa dạng hóa các PP, hình thức tổ chức, phương tiện dạy học.

- Khơi gợi, kết nối hiểu biết, trải nghiệm đã có ở HS liên quan đến ND của VB đọc, cho HS so sánh, liên hệ mở rộng; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa HS với HS, giữa GV và HS, tăng cường hoạt động thảo luận nhóm để các em chiếm lĩnh kiến thức, kĩ năng mới.

- Trước khi đọc VB, GV có thể cho HS dựa vào nhan đề và tranh minh họa để suy đoán ND VB. Nâng cao hơn so với L2, ở L3, GV nên áp dụng YC này đối với tất cả các đối tượng HS. Phương châm là dạy đọc hiểu phải kích hoạt được việc đọc tích cực, sáng tạo ở chủ thể đọc.

- Tăng cường những tình huống có vấn đề cần giải quyết, giúp HS rèn PP tư duy linh hoạt, sáng tạo.

- Chuẩn bị các yêu cầu, tài liệu học tập thích hợp cho từng nhóm đối tượng HS, giúp các em có cơ hội bộc lộ thế mạnh cũng như khắc phục hạn chế của mình

**2.1.3. PP tổ chức hoạt động đọc MR**

- Để chuẩn bị cho hoạt động đọc, GV giao nhiệm vụ cho HS tìm và đọc các văn bản

theo gợi ý và văn bản trong SGK.

- HS có thể chọn bài đọc từ nhiều nguồn khác nhau, GV khuyến khích HS xây dựng tủ sách của lớp ngay từ đầu năm học.

- GV cần chuẩn bị 1 số văn bản tương tự để giới thiệu thêm hoặc hỗ trợ những HS khó khăn trong việc tìm VB.

- HS tự thực hiện ĐMR theo hướng dẫn của GV.

**2.2. Đổi mới dạy học kĩ năng viết**

**2.2.1. PP dạy kĩ thuật viết**

- Viết chữ thường, chữ hoa

- Viết chính tả đoạn thơ, đoạn văn

- Làm BT chính tả quốc ngữ, phương ngữ.

- Nhìn chung vẫn kế thừa PP dạy học trước đây.

**2.2.2. PP dạy học viết đoạn văn**

- PP dạy viết đoạn văn, tương tự lớp 2, ở lớp 3, HS được hướng dẫn luyện tập theo 1 quy trình phù hợp, qua từng bước:

+ Tìm kiếm, huy động thông tin bằng hình thức làm việc cá nhân.

+ Trao đổi, chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm, trước lớp.

+ Điền những thông tin và ý tưởng được chuẩn bị để lập dàn ý vào mẫu cho sẵn.

+ Từ dàn ý đã lập, HS thực hành viết đoạn văn trọn vẹn.

**2.3. Đổi mới dạy học kĩ năng nói và nghe**

- KN nói và nghe được thực hành, rèn luyện trong tất cả các giờ học.

- GV cần hướng dẫn cho HS cách chuẩn bị ND nói và cách nói trước nhóm, trước lớp. - Ở lớp 3, dạy nói và nghe cũng cần chú ý vận dụng PP GV làm mẫu và HS thực hành theo mẫu; đặt câu hỏi và tổ chức đàm thoại giữa GV và HS, HS thảo luận nhóm rồi trình bày trước nhóm và trước lớp.

- Qua hoạt động nói và nghe, GV cần tạo cơ hội để HS được tranh luận về một số ND có ý kiến khác biệt hay trái ngược nhau, từng bước giúp các em phát triển tư duy độc lập; tạo môi trường để HS tự tin và tự do trình bày suy nghĩ, tình cảm, cảm xúc của mình.

**V. Cách thức đánh giá kết quả học tập**

**1. Mục tiêu đánh giá:**

Đánh giá KQ học tập của HS nhằm cung cấp thông tin chính xác, kịp thời, có giá trị về mức độ đáp ứng YC cần đạt về phẩm chất, năng lực và những tiến bộ của HS trong học tập.

**2. Nội dung đánh giá**

Đánh giá phẩm chất, năng lực chung, năng lực đặc thù thông qua các hoạt động

đọc, viết, nói, nghe được quy định trong chương trình.

1. **Cách thức đánh giá**

- Đánh giá phẩm chất và năng lực chung: Chủ yếu đánh giá bằng định tính ( quan sát, ghi chép, nhận xét), thực hiện suốt năm học.

- Đánh giá các kĩ năng đọc, viết, nói và nghe: Kết hợp cả định tính và định lượng, thực hiện suốt năm học và cuối mỗi học kì.

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***An Sơn ngày 2 tháng 8 năm 2022***

***Người viết***

***Nguyễn Thị Luyến***